

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K33A, KHÓA HỌC 2024 - 2026**

DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

Thi phần D.I: Quản lý hành chính nhà nước

Ngày thi: 22/5/2025; Thời gian làm bài: 180 phút;

Phòng thi: Hội trường B.

Sbd	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	14/02/1984	03	<i>[Signature]</i>	7	85	Tạm, năm
2	Phan Thị Lệ Anh	Nữ	03/02/1977	04	<i>[Signature]</i>	5	85	Tạm, năm
3	Vi Văn Chử	Nam	19/02/1987	03	<i>[Signature]</i>	11	80	Tạm
4	Nguyễn Bá Công	Nam	04/02/1988	03	<i>[Signature]</i>	6	80	Tạm
5	Trần Sỹ Cung	Nam	02/02/1978	04	<i>[Signature]</i>	38	80	Tạm
6	Cao Thị Tiến Dâng	Nữ	18/6/1987	03	<i>[Signature]</i>	30	80	Tạm
7	Nguyễn Anh Đăng	Nam	10/12/1986	03	<i>[Signature]</i>	26	80	Tạm
8	Huỳnh Tấn Danh	Nam	29/02/1988	03	<i>[Signature]</i>	73	80	Tạm
9	Vũ Thị Đào	Nữ	11/8/1991	04	<i>[Signature]</i>	45	85	Tạm, năm
10	Nguyễn Thị Tiến Đến	Nữ	20/8/1991	03	<i>[Signature]</i>	53	85	Tạm, học, năm
11	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	26/10/1990	03	<i>[Signature]</i>	17	80	Tạm
12	Đặng Xuân Đông	Nam	10/02/1984	03	<i>[Signature]</i>	19	80	Tạm
13	Lâm Quang Dũng	Nam	03/5/1986	03	<i>[Signature]</i>	29	80	Tạm
14	Đỗ Đình Duy	Nam	04/12/1982	02	<i>[Signature]</i>	40	75	Tạm, năm
15	Nguyễn Văn Duy	Nam	12/12/1989	02	<i>[Signature]</i>	43	75	Tạm, năm
16	Phạm Thị Minh Duy	Nữ	16/3/1983	02	<i>[Signature]</i>	2	80	Tạm
17	Phan Thị Mỹ Duyên	Nữ	24/4/1988	02	<i>[Signature]</i>	3	80	Tạm
18	Nguyễn Vĩnh Hàng	Nam	10/7/1988	02	<i>[Signature]</i>	42	75	Tạm, học, năm
19	Vi Thị Hằng	Nữ	21/7/1989	03	<i>[Signature]</i>	15	80	Tạm



Sbd	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
20	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	07/3/1988	03	<i>name</i>	52	85	Tam, năm
21	Vũ Thị	Hiền	Nữ	23/02/1979	03	<i>hau</i>	64	82,5	Tam, hai năm
22	Lương Thị Kim	Hiệp	Nữ	10/11/1990	04	<i>Kim</i>	46	82,5	Tam, hai năm
23	Hồ Thị	Hồng	Nữ	29/12/1990	03	<i>hoke</i>	33	85	Tam, năm
24	Trần Thị Thành	Huê	Nữ	12/7/1985	03	<i>th</i>	61	82,5	Tam, hai năm
25	Nguyễn Công	Hùng	Nam	20/01/1974	03	<i>ch</i>	60	82,5	Tam, hai năm
26	Lê Hoàng	Huy	Nam	09/12/1982	03	<i>lehuy</i>	18	80	Tam
27	Phan Thị	Lài	Nữ	16/7/1990	03	<i>ph</i>	12	80	Tam
28	Phạm Hương	Lan	Nữ	11/02/1974	03	<i>ph</i>	36	80	Tam
29	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	06/12/1990	03	<i>nh</i>	20	80	Tam
30	Phạm Thị	Luật	Nữ	05/5/1972	(QĐ bảo lưu số 304 - QĐ/TCT ngày 13/5/2025)				
31	Trương Thị Hiền	Lương	Nữ	03/10/1989	02	<i>thuy</i>	25	75	Bảy, năm
32	Nông Thị	Mê	Nữ	05/10/1990	03	<i>th</i>	24	75	Bảy, năm
33	Lê Tấn	Minh	Nam	21/02/1986	03	<i>minh</i>	69	77,5	Bảy, bảy năm
34	Phạm Bá	Minh	Nam	24/02/1988	02	<i>F</i>	41	72,5	Bảy, hai năm
35	Tạ Diệu	Minh	Nữ	16/02/1987	03	<i>diu</i>	58	77,5	Bảy, bảy năm
36	Trương Đức	Minh	Nam	14/10/1985	04	<i>duc</i>	48	77,5	Bảy, bảy năm
37	Y Phương	Miêu	Nam	30/3/1988	03	<i>phuong</i>	75	77,5	Bảy, bảy năm
38	Dương	Nam	Nam	19/6/1985	03	<i>duy</i>	16	80	Tam
39	Nguyễn Thị	Nét	Nữ	27/05/1987	04	<i>net</i>	8	85	Tam, năm
40	Nguyễn Đình	Ngọc	Nam	28/6/1982	03	<i>ngoc</i>	63	80	Tam
41	Trịnh Phạm Quốc	Ngọc	Nam	18/10/1984	04	<i>quoc</i>	56	77,5	Bảy, bảy năm
42	Hoàng Hữu	Nguyên	Nam	15/5/1988	03	<i>thuy</i>	57	77,5	Bảy, bảy năm
43	H Yang	Niê	Nữ	25/12/1987	03	<i>nm</i>	21	75	Bảy, năm
44	Y Thép	Niê	Nam	10/5/1982	02	<i>tep</i>	44	70	Bảy

Sbd	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
45	Lê Sỹ	Phú	Nam	23/02/1981	03	<i>[Signature]</i>	70	8.5	<i>bảy bảy năm</i>
46	Phan Văn	Phúc	Nam	20/02/1985	03	<i>[Signature]</i>	55	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
47	Nguyễn Danh	Phương	Nam	03/10/1988	03	<i>[Signature]</i>	65	8.0	<i>Tám</i>
48	Lý Thế	Quân	Nam	11/11/1977	03	<i>[Signature]</i>	49	8.0	<i>Tám</i>
49	Nguyễn Văn	Son	Nam	17/4/1982	03	<i>[Signature]</i>	50	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
50	Lê Minh	Son	Nam	01/8/1985	04	<i>[Signature]</i>	14	8.5	<i>Tám bảy năm</i>
51	Bùi Thị	Thành	Nữ	05/9/1986	03	<i>[Signature]</i>	22	8.5	<i>Tám bảy năm</i>
52	Đỗ Ngọc	Thành	Nam	18/10/1989	(QĐ bảo lưu số 652-QĐ/TCT ngày 23/10/2024)				
53	Nguyễn Văn	Thành	Nam	28/10/1981	03	<i>[Signature]</i>	31	8.5	<i>Tám bảy năm</i>
54	Trương Văn	Thành	Nam	11/7/1975	03	<i>[Signature]</i>	35	8.5	<i>Tám bảy năm</i>
55	Đặng Thị Phương	Thảo	Nữ	02/3/1985	03	<i>[Signature]</i>	51	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
56	Đinh Thị Hằng	Thảo	Nữ	27/5/1991	04	<i>[Signature]</i>	74	8.0	<i>Tám</i>
57	Phan Nhật	Thảo	Nữ	10/12/1991	02	<i>[Signature]</i>	1	8.0	<i>Tám</i>
58	Võ Hồng	Thịnh	Nam	04/02/1983	03	<i>[Signature]</i>	71	8.0	<i>Tám</i>
59	Trần Hữu	Thịnh	Nam	03/12/1987	03	<i>[Signature]</i>	47	8.0	<i>Tám</i>
60	Lữ Thị Minh	Thư	Nữ	15/12/1986	03	<i>[Signature]</i>	23	8.0	<i>Tám</i>
61	Ninh Duy	Thường	Nam	09/3/1989	03	<i>[Signature]</i>	32	8.0	<i>Tám</i>
62	Trịnh Thị	Thủy	Nữ	20/01/1983	04	<i>[Signature]</i>	4	8.5	<i>Tám bảy năm</i>
63	Trần Thanh	Trung	Nam	21/7/1983	03	<i>[Signature]</i>	68	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
64	Vương Hữu	Trung	Nam	14/8/1981	03	<i>[Signature]</i>	28	8.0	<i>Tám</i>
65	Đỗ Văn	Trương	Nam	23/10/1986	03	<i>[Signature]</i>	66	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
66	Đinh Xuân	Trường	Nam	11/7/1978	03	<i>[Signature]</i>	67	7.5	<i>bảy bảy năm</i>
67	Trương Đắc	Tứ	Nam	09/5/1983	Không đủ điều kiện dự thi				
68	Đỗ Minh	Tuấn	Nam	01/02/1988	03	<i>[Signature]</i>	59	8.0	<i>Tám</i>
69	Võ Đình Thanh	Tuấn	Nam	17/4/1978	03	<i>[Signature]</i>	72	8.0	<i>Tám</i>

Sbd	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
70	Võ Thanh	Tuấn	Nam	20/6/1982	03	<i>Thanh</i>	27	80	Tuấn
71	Bùi Thị Mỹ	Tuyền	Nữ	08/01/1984	03	<i>FTM</i>	76	80	Tuấn
72	Huỳnh Nữ Phương	Uyên	Nữ	30/4/1981	03	<i>Phuong</i>	62	75	bay, bay năm
73	Hồ Thị	Vinh	Nữ	11/3/1985	03	<i>H</i>	13	75	bay 2 năm
74	Lê Vũ	Vương	Nam	24/4/1980	03	<i>huu</i>	10	80	Tuấn
75	Nguyễn Hữu	Vương	Nam	30/11/1983	02	<i>U</i>	39	70	bay
76	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	07/7/1990	03	<i>nguyen</i>	54	80	Tuấn
77	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	07/02/1984	03	<i>gt</i>	34	80	Tuấn

Tổng số học viên theo danh sách: *75*.....học viên;

Số học viên Đủ điều kiện thi: *05*.....*74*.....học viên

Số học viên Không đủ điều kiện thi: *01 + 2*.....học viên; (lý do: *1 ký tự ĐK, 2 b2 h*)

Số học viên vắng thi: *0*.....học viên; trong đó: có lý do:..... học viên; không có lý do:..... học viên.

Số bài thi hiện có: *74*.....bài/.....*222*.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

anac
Nguyễn Hoàng

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày: *03*...tháng...*6*.....năm 2025

Phạm Văn Dũng

TRƯỞNG KHOA

Lê Hoàng



BAN GIÁM HIỆU

Huỳnh Chiến Thắng

CÁN BỘ COI THI 02

Thuy
Võ Thị Thông

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày: *03*...tháng...*6*.....năm 2025

Mai
Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

omhall

TS. Lê Duyên Hà

